

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/6/2021

*“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Khuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lữ Kim Hằng

2. Ông Phạm Văn Thành

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*  
Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 127/2021/TLST- HNGĐ ngày 05/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2021/QĐST- HNGĐ ngày 08/6/2021 giữa các đương sự.

*- Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm: 1992 (*vắng mặt*)

HKTT: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*- Bị đơn:* Anh Nguyễn Thắng T, sinh năm: 1989 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/3/2021, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thắng T trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian gần 01 năm, đến năm 2018 thì tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 04/9/2018. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến khi chị sinh con đầu lòng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng là từ cuối năm 2020 nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Q trình bày: do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè để tham gia chơi cờ, hát hò, nhậu nhẹt. Có lần chị bắt gặp anh T đang ôm hôn người con gái trong quán Karaoke ở Bình Thuận, sau khi bị chị bắt gặp thì về nhà anh T đã cầm dao dí chị và có lần cầm kéo dọa giết chị thì được mẹ chồng ngăn lại. Do cuộc sống hôn nhân của chị và anh Tuấn không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thắng Kh, sinh ngày 03/4/2019, hiện cháu đang ở với chị từ khi sinh ra cho đến nay. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Từ khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Thắng T, nhưng anh T vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.*

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì bà Nguyễn Thị V - là mẹ ruột của anh T cho biết: bà V cho rằng, anh T và chị Q có thiết lập quan hệ hôn nhân và có 01 người con chung, trong quá trình chung sống thì giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vấn đề kinh tế, tiền bạc trong gia đình, anh T cũng đam mê đá gà, từ tháng 01 năm 2021 chị Q đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở Bình Phước sinh sống cho đến nay*

*\* Các tài liệu, chứng cứ:*

Nguyên đơn chị Trần Thị Q cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của cháu Kh (bản sao); Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); đơn xác nhận về thu nhập (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm: Biên bản xác minh về nơi cư trú và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng (bản chính).

*\* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.*

Về nội dung: áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Q và anh T ly hôn; về con chung: giao cháu Kh

cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh T; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Trần Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Thắng T, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Thắng T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Trần Thị Q có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thắng T đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Q là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Thắng T đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2018; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2018 ngày 04/9/2018, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q nhận thấy:

Theo trình bày của chị Q thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè, chơi bời, hát hò, nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình vợ con, mâu thuẫn này đã kéo dài gần hai năm nay. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tuy anh Tuấn vắng mặt không có lời khai tại Tòa án, nhưng qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị V - là mẹ ruột của anh Tuấn thì thấy: giữa anh Tuấn và chị Q có xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị Q vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh T. Xét thấy anh chị đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh T.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi cháu Kh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của chị Q thì thấy từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Kh đều do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Kh mới hơn 02 tuổi, chị Q có công việc và thu nhập. Vì vậy, xem xét quyền lợi

về mọi mặt của cháu Kh thì thấy nên giao cháu Kh cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ. Nên chấp nhận cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị Q xác định không có, do anh T vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị Q phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HN và GD năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Q.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Trần Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Thắng T.

- Về con chung: giao con chung cháu Nguyễn Thắng Kh, sinh ngày: 03/4/2019 cho chị Trần Thị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Thắng T.

Khi cần thiết chị Q và anh T được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị Trần Thị Q phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp thành tiền

án phí (biên lai số 0009267 ngày 30/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND, tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã A ;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Lê Thị Khuyên**